

Số: 25/2019/QĐST-DS

B, ngày 27 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 579/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Công Đ, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Châu Th, tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Minh T– Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ

- Bị đơn: Ông Lê Trí M, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà C33, Khu dân cư số 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đ

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành Hi, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 430, Đồng Khởi, KP3, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Mai Thị T, sinh năm 1954.

2/ Anh Trần G, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: 5/1, đường Đ 1, tổ 10, phường T, TP. B, tỉnh Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hai bên Nguyên đơn và Bị đơn thống nhất hủy hợp đồng đặt cọc, hứa mua, hứa bán quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được ký kết giữa ông Lê Trí M và ông Trần Công Đ để mua, bán căn nhà số 5/1, Khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ ngày 30/10/2010 bằng giấy tay.

Ông Trần Công Đ phải thanh toán cho ông Lê Trí M với số tiền: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Nếu ông Đ không trả được số tiền nợ nói trên, ngoài số tiền gốc phải thanh toán, ông Đ còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định pháp luật.

Hai bên thống nhất về việc ông Lê Trí M rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Về án phí Dân sự sơ thẩm – hòa giải thành:

- Về án phí không có giá ngạch là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Mỗi bên phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng). Do ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông Đ được miễn nộp khoản tiền này. Ông Lê Trí M phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Mỗi bên phải chịu 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Do ông Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên ông Đ được miễn nộp khoản tiền này. Ông Lê Trí M phải chịu 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tổng số tiền án phí mà ông Lê Trí M phải chịu là 3.825.000đ (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng). Ông Trần Công Đ tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí này cho ông Lê Trí M.

Do ông Lê Trí M đã nộp 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0004608 ngày 09/04/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố B. Do đó, hoàn trả cho ông Minh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu nói trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng